TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LM** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Âu Cần Đông
2. Ông Nguyễn Văn Trưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: ấp LH 2, xã TP, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.
2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp LH 2, xã TP, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Chị L và anh S sống chung khoảng năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện LM, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 10/12/2002. Sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị L và anh S đã sống

ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có 01 con chung Trần Văn Th, giới tính nam, sinh năm 2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Thống nhất phần trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị L yêu cầu ly hôn anh S không đồng ý vì còn thương vợ, về con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết, về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục.

[1.1] Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn", bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã LM nên Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Trần Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất chị L và anh S sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phú vào ngày 10/12/2002. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 196.TP.2002 của Ủy ban nhân dân xã Long Phú nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đến khoảng năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và đã ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, việc sống chung của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Trần Văn S được ly hôn.

3. Về con chung: Trần Văn Th đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004233 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn Thị Tuyết L đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- UBND xã Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA